

Đơn vị: TRƯỜNG THCS DƯƠNG HÀ
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lâm, ngày 26 tháng 6 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng/2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí, thu SN khác	0	-	-	-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	-	-	-
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.198.000.000	3.023.183.337	48,78	1,15
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.227.000.000	2.270.394.465	53,71	1,17
	Mục 6000 - Tiền lương	1.616.384.000	915.166.942	57	1,06
	Mục 6050 - Tiền công	284.721.000	165.713.200	58	1,16
	Mục 6100 - Phụ cấp lương	688.803.000	385.210.038	56	1,08
	Mục 6300 - Các khoản đóng góp	734.689.000	268.577.400	37	0,81
	Mục 6250 - Phúc lợi tập thể	8.000.000		-	-
	Mục 6500 - Thanh toán DVCC	220.000.000	84.252.451	38	0,91
	Mục 6550 - Chi phí văn phòng	200.000.000	59.996.000	30	1,27
	Mục 6600 - Thông tin TTLL	22.000.000	1.441.645	7	1,21
	Mục 6700 - Công tác phí	39.000.000	3.000.000	8	0,25
	Mục 6750 - Chi phí thuê mướn	140.000.000	111.320.000	80	0,38
	Mục 6900 - Sửa chữa TSCĐ	100.000.000	74.500.000	75	5,40
	Mục 6950 - Mua sắm TS		48.598.000		-
	Mục 7000 - Chi phí nghiệp vụ CM	113.403.000	115.438.789	102	7,83
	Mục 7050 - Mua, bảo trì TS vô hình		9.000.000		-
	Mục 7750 - Chi phí khác	60.000.000	28.180.000	47	1,12
1.2	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	1.971.000.000	752.788.872	38	

	<i>Kinh phí CCTL</i>	<i>1.563.000.000</i>	<i>752.788.872</i>	48	
	Mục 6000 - Tiền lương	991.593.000	434.532.726	44	
	Mục 6100 - Phụ cấp lương	357.000.000	183.794.641	51	
	Mục 6150 - Hỗ trợ khác		2.700.000		
	Mục 6300 - Các khoản đóng góp	214.407.000	129.436.505	60	
	Mục 7750 - Chi phí khác		2.325.000		
	<i>KP chi tiền thưởng theo ND73</i>	<i>237.000.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
	Mục 6200 - Tiền thưởng	237.000.000			
	<i>KP HT miễn học phí theo ND81</i>	<i>171.000.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
	Mục 6000 - Trích 40% chi CCTL	68.400.000			
	Mục 7750 - Chi khác cấp bù học phí	102.600.000			

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Hồng Giang